

TÌM HIỂU NGUỒN GỐC ĐÔ THỊ HUẾ TỪ VIỆC KHẢO SÁT HỆ THỐNG THỦ PHỦ THỜI CHÚA NGUYỄN

*Phan Thanh Hải**

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thành phố Huế ngày nay vẫn được xem là một trong những trung tâm văn hóa khoa học của Việt Nam. Tuy nhiên, những đặc trưng nổi bật của Huế về mặt đô thị đã được các nhà nghiên cứu thừa nhận, như thành phố có sự quy hoạch theo thuyết phong thủy, thành phố nhà vườn, thành phố thơ, thành phố có sự hài hòa tuyệt diệu giữa cổ kính và hiện đại... có nguồn gốc từ đâu và được hình thành từ bao giờ, lại là vấn đề đang còn tranh luận. Trong tham luận này, thông qua kết quả khảo sát hệ thống Thủ phủ thời chúa Nguyễn tại Đàng Trong (1558-1775), chúng tôi muốn chứng minh rằng, các đặc trưng nổi bật, góp phần chủ yếu tạo nên bản sắc đô thị Huế đã được hình thành cùng với quá trình chúa Nguyễn xây dựng các Thủ phủ Kim Long, Phú Xuân cách đây trên 300 năm.

Chúng tôi cho rằng, việc tìm hiểu nguồn gốc hình thành những đặc trưng của đô thị Huế hết sức quan trọng, vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến việc quy hoạch và phát triển thành phố Huế hiện nay và trong tương lai.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CÁC THỦ PHỦ DƯỚI THỜI CHÚA NGUYỄN (1558-1775)

1. Bối cảnh lịch sử

Bước vào thế kỷ XVI xã hội Việt Nam có những biến chuyển mạnh mẽ mà những biến chuyển này lại là hệ quả trực tiếp từ sự suy thoái khủng hoảng về chính trị của triều Lê (Hậu Lê).

Sau khi đạt đến đỉnh cao của chế độ phong kiến trung ương tập quyền Việt Nam, từ đầu thế kỷ XVI, triều Lê bắt đầu rơi vào những cuộc khủng hoảng chính trị triền miên. Sự bất lực trong việc giữ gìn ngôi báu của họ Lê không chỉ thể hiện qua những cuộc tranh đoạt trong nội bộ dòng họ mà còn biểu hiện rõ qua tình trạng quản lý đất nước kém cỏi, giặc giã nổi lên khắp nơi và đi cùng với nó là thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, đói kém... Đây là nguyên nhân chính dẫn đến nội chiến và chia cắt.

* Thạc sĩ, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế. Việt Nam.

Chưa bao giờ trong lịch sử Việt Nam nội chiến và chia cắt lại trở thành một đặc điểm tiêu biểu, nổi bật - một bi kịch dân tộc đau đớn, dữ dội- trong cả một giai đoạn dài như thế. Xung đột Nam - Bắc triều (1527-1592) giữa họ Lê với họ Mạc, rồi chiến tranh Đàng Ngoài - Đàng Trong (1627-1672) giữa hai họ Trịnh Nguyễn đã khiến đất nước bị chia cắt hàng thế kỷ, hàng chục vạn người bỏ mạng, khối đoàn kết dân tộc bị rạn nứt... Cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng LI TÂM và HUỚNG TÂM - cốt lõi của vấn đề nội chiến - những tưởng đã được giải quyết từ 5 thế kỷ trước giờ lại bùng phát với quy mô lớn hơn nhiều và phần thắng-suốt trong gần 3 thế kỷ (XVI-XVIII) - lại thuộc về xu hướng li tâm. Đây quả thật là một giai đoạn lịch sử đặc biệt của người Việt Nam, một dân tộc vốn nổi tiếng có truyền thống đoàn kết thống nhất.

Nhưng xét cho cùng, trong hoàn cảnh ấy li tâm lại là phương cách duy nhất để phá bung những ràng buộc lỗi thời của chế độ trung ương tập quyền theo mô hình Tống Nho mà nhà Lê đã chọn lựa; li tâm cũng là để giải quyết áp lực dân số đã đè nặng ở đồng bằng Bắc Bộ và giải phóng lực lượng sản xuất đang bị dồn ứ ở khu vực này. Thắng lợi của xu hướng li tâm đã tạo nên những đột biến trong sự phát triển, đưa lại những hệ quả thật lớn lao mà tiêu biểu nhất phải kể đến đó là việc đẩy mạnh và hoàn thiện quá trình Nam tiến của người Việt, là sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế hàng hóa cùng việc mở rộng chưa từng thấy các mối quan hệ quốc tế.

Như vậy, nội chiến, Nam tiến và phát triển kinh tế hàng hóa cùng sự mở rộng các quan hệ quốc tế là những nội dung chính và cũng là những đặc điểm chính của lịch sử Việt Nam trong giai đoạn này. Sự hình thành của Đàng Trong nói chung, sự ra đời và phát triển của hệ thống thủ phủ nói riêng đều là kết quả trực tiếp của các quá trình trên.

2. Bối cảnh địa lý và nhân văn vùng Thuận - Quảng

Thuận Quảng là phần chính của khúc ruột miền Trung dài gần 800 km, bao gồm cả Trung, Nam Trung Bộ và một phần của Tây Nguyên, giới hạn từ khoảng 12,54 đến 18 vĩ độ Bắc. Cả vùng đất dài mà hẹp ấy tựa lưng vào dãy Trường Sơn ở phía Tây, ngó mặt ra phía Đông là biển. Địa hình khúc khuỷu lại bị cắt xẻ liên tục bởi các dòng sông ngắn, dốc và mạch núi đâm ngang ra tận biển. Nhưng cũng vì thế mà ở khu vực này có nhiều vịnh sâu kín gió, nhiều đầm phá rộng lớn, nhiều cửa sông có thể làm hải cảng tốt. Biển Thuận Quảng nằm trên dòng hải lưu chính của biển Đông nên sâu và rất giàu hải sản, lại thuận lợi cho việc hàng hải và giao lưu quốc tế. Đồng bằng tuy không thật rộng lớn nhưng cũng đủ cho nông nghiệp phát triển.

Các nghiên cứu khảo cổ học từ đầu thế kỷ này cho thấy, Thuận Quảng cũng là một trong những vùng văn hóa phát triển của Đông Nam Á cổ. Mặc dù vẫn còn nhiều vấn đề cần phải giải đáp để có thể xuyên chuỗi các lớp văn hóa theo trình tự thời gian nhưng sự có mặt của các nền văn hoá khảo cổ từ thời hậu kỳ đá mới, rồi văn hóa kim khí như văn hóa Bầu Tró, văn hóa Sa

Huỳnh với địa bàn phân bố rộng rãi đã chứng tỏ trên địa bàn Thuận Quảng từ rất sớm đã có sự hoạt động mạnh mẽ của con người.

Theo truyền thuyết, từ thời các vua Hùng, phần phía Bắc Thuận-Quảng, tức đất Thuận Hóa, là địa bàn của bộ Việt Thường của nước Văn Lang. Nhưng từ cuối thế kỷ II sau công nguyên, đất Thuận Quảng lại là địa bàn chính của vương quốc Champa của người Chăm sau cuộc khởi nghĩa do Khu Liên cầm đầu. Champa là một quốc gia đa sắc tộc, nền văn hóa ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Ấn Độ, nền kinh tế vừa dựa vào nông nghiệp vừa dựa vào việc khai thác lâm sản và khai thác biển. Sau hơn chục thế kỷ phát triển, vương quốc Champa đã đạt đến thời kỳ rực rỡ nhưng ngay sau đó, những thất bại liên tục trong các cuộc tranh chấp với Đại Việt ở phía Bắc đã khiến văn minh Champa tàn lụi dần. Và chính trên mảnh đất này, những lớp cư dân mới với truyền thống văn hóa Việt đã kiến tạo nên một vương quốc mới – Đàng Trong – với một nền văn hóa thật phong phú và đa dạng.

3. Các chúa Nguyễn với sự hình thành vùng Thuận Quảng và Đàng Trong

Tháng 10 năm Mậu Ngọ (1558), Đoan quận công Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa. Cùng đi với ông có cả đoàn tùy tùng hơn ngàn người đều là nghĩa dũng hai xứ Thanh-Nghệ. Uy tín và tài đức đã giúp ông quy tập về dưới trướng nhiều tướng giỏi, xuất thân đa dạng như Nguyễn Úy Kỷ, Tống Phước Trị, Mạc Cảnh Huống..., họ đã hết lòng cùng nhau mưu tính để xây dựng cơ nghiệp trên miền đất mới.

Để thuần hóa đất dữ Ô Châu trong buổi ban đầu vô cùng gian nan ấy, Nguyễn Hoàng đã sử dụng chính sách “võ về quân dân, thu dùng hào kiệt, nhẹ xâu thuế...”. Chính quyền được xây dựng theo kiểu thể chế quân sự của ông có kỷ luật rất nghiêm minh, chưa từng xâm hại đến lợi ích dân chúng. Đường lối chính sự khoan hòa, rộng rãi đó đã khiến các tầng lớp dân chúng đều tin yêu, khâm phục và thường gọi (ông) là chúa Tiên. Đạt được “nhân hòa” thì mọi chuyện đã trở nên thuận lợi. Nguyễn Hoàng đã lần lượt dẹp yên các cuộc chống đối trong xứ và đánh tan các lần tấn công xâm nhập của các thế lực thù địch. Nội bộ thống nhất, bên ngoài yên tĩnh, Thuận Hóa mới sau hơn 10 năm kể từ ngày có Tiên chúa thì “nhân dân đều an cư lạc nghiệp. Chợ không bán hai giá, không có trộm cướp, thuyền buôn các nước đến nhiều. Trấn trở nên một nơi đô hội lớn”⁽¹⁾.

Với hơn nửa thế kỷ cai trị đất Thuận Quảng (1558-1613), Nguyễn Hoàng đã đạt được những thành công rực rỡ. Không những không bị vùng ác địa Ô Châu tiêu diệt như toan tính của Trịnh Kiểm, mà trái lại, với bản lĩnh, tài năng và ý chí phi thường của mình Nguyễn Hoàng đã biến nơi đây thành một căn cứ địa hùng mạnh - nền móng cho một cơ nghiệp vĩ đại mà con cháu ông sẽ kế tục.

Trên cơ sở ấy, con cháu Nguyễn Hoàng đã xây dựng Đàng Trong ngày càng lớn mạnh; khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn bùng nổ năm 1627, Đàng Trong đã thực sự trở thành một vương quốc khá hùng hậu, đủ sức đương đầu với vương quốc cũ Đàng Ngoài của vua Lê chúa Trịnh.

Trong sự hình thành và phát triển của Đàng Trong, miền Thuận Hóa có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Đây không chỉ là cơ sở đầu tiên, là trạm trung chuyển của lớp lớp người Việt trên con đường Nam tiến mà còn luôn đóng vai trò là đầu não chính trị, quân sự và là một trung tâm kinh tế, văn hóa của cả Đàng Trong.

Đàng Trong là vùng đất mới đầy biến động: biến động về chính trị, dân cư, lãnh thổ... Trong hơn 200 năm xây dựng mảnh đất này, để tìm một vị trí đắc địa, chúa Nguyễn đã 8 lần thay đổi dời dựng vị trí thủ phủ, nhưng tất cả chúng đều nằm trong phạm vi Thuận Hóa. Có nhiều lý do để giải thích điều này: Thuận Hóa - về sau chủ yếu là Huế - có địa hình hiểm trở, cảnh sắc lại tươi đẹp nên phù hợp với vị trí đóng đô; cư dân Thuận Hóa tương đối thuần nhất bởi được Việt hóa lâu đời nhất và hơn thế - dù chỉ trong truyền thuyết - Thuận Hóa vốn là đất cũ của người Việt! Giáo sư Trần Quốc Vượng còn cho rằng: "Chúa Nguyễn đóng đô ở xứ Huế mà không ở xứ Quảng vì còn luôn phải "để mắt về hướng Bắc" canh chừng sự xâm lấn của tập đoàn chúa Trịnh. Vượt Hải Vân mà vô xứ Quảng thì cả miền Bình Trị Thiên dễ lọt vào tay chúa Trịnh. Kinh nghiệm đã chẳng chỉ ra rằng các vua Chăm-pa đóng đô ở Nam Hải Vân nên luôn luôn để mắt đất từ Bắc Hải Vân trở ra cho Trung Hoa rồi Đại Việt đấy thôi? "Chúa ở Phú Xuân, thế tử ở xứ Quảng" là công thức tối ưu."⁽²⁾

Dù khác nhau về vị trí, quy mô và mức độ ảnh hưởng nhưng Thủ phủ của chúa Nguyễn qua các thời kỳ luôn luôn có vai trò quan trọng đối với quá trình hình thành và phát triển của Đàng Trong. Ngoài tư cách là đầu não về chính trị, quân sự, càng về sau, thủ phủ càng phát triển theo hướng trở thành một trung tâm về kinh tế, văn hóa và có ảnh hưởng quyết định đến tiến trình đô thị hóa của khu vực. Riêng đối với sự hình thành của Huế, các thủ phủ còn là những bước khởi đầu tạo nên những đặc trưng quan trọng của đô thị này.

4. Những thủ phủ thời kỳ chưa đến Huế

a) Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát - những thủ phủ đầu tiên bên bờ sông Thạch Hãn

Ái Tử, Trà Bát và Dinh Cát là những dinh phủ đầu tiên của chúa Nguyễn trên đất Quảng Trị, chúng đều nằm bên bờ sông Thạch Hãn. Theo các tư liệu lịch sử, sau khi nhận ấn trấn thủ đất Thuận Hoá vào tháng 10 năm Mậu Ngọ (1558), Nguyễn Hoàng cùng đoàn tùy tùng đã dừng chân và lập dinh tại Ái Tử; đến năm 1572, ông chuyển dinh qua Trà Bát và đóng tại đó đến năm 1600 thì chuyển về Dinh Cát cho đến khi chuyển vào Phước Yên, năm 1626. Căn cứ vào kết quả khảo sát trên thực địa có đối chứng với các tư liệu lịch sử, chúng tôi đã xác định được vị trí của các dinh phủ đầu tiên trên. Các thủ phủ này có một số đặc điểm nổi bật như sau:

- Ba thủ phủ đầu tiên Ái Tử, Trà Bát và Dinh Cát đều nằm bên bờ tây sông Thạch Hãn, hướng mặt về phía trong (đông-nam, nam), biểu hiện rất rõ xu hướng "Nam tiến" của thời kỳ này. Việc chọn vị trí để đóng thủ phủ cũng thể hiện rất

rõ tính chất quân sự của các trung tâm trên: vừa khống chế con đường bộ chính từ Bắc vào Nam-đường Thiên Lý-vừa khống chế tuyến đường thuỷ quan trọng từ biển vào khu vực này và từ đây vào phía trong (bằng sông Vĩnh Định). Cả ba dinh đều có sông bao bọc chung quanh làm hào tự nhiên che chắn. Đó là hệ thống sông Thạch Hãn, Ái Tử và Vĩnh Phước. Tiên chúa Nguyễn Hoàng nhận thức rất rõ vai trò quan trọng của hệ thống này nên lực lượng quân đội chính đều được bố trí phòng thủ ở những vị trí then chốt.

- Các thủ phủ đầu tiên này đều đóng trên hoặc gần các khu vực có nhiều di tích của văn hoá Chăm-pa: khu vực Cổ Thành, Thạch Hãn, Ái Tử, Trà Bát... Điều này chứng tỏ trên con đường Nam tiến của mình, chúa Nguyễn đã rất biết kế thừa các thành tựu của người bản địa: đặt thủ phủ trên những trung tâm của người Chăm xưa. Hiện tượng này còn thấy lặp lại nhiều lần trên toàn bộ hệ thống thủ phủ các chúa Nguyễn.

- Sau 68 năm tồn tại (1558-1626), thủ phủ chúa Nguyễn đã được chuyển từ Dinh Cát vào Phước Yên bên sông Bồ, cách đó hơn 40km về phía nam. Theo chúng tôi, nguyên nhân chính của việc dịch chuyển này là lý do chính trị: chúa Nguyễn cần phải bảo vệ cơ quan đầu não của mình khi nguy cơ chiến tranh với quân Trịnh đã đến rất gần (năm 1627 đã nổ ra trận chiến đầu tiên). Hơn nữa, công cuộc Nam tiến đến lúc này đã đạt được nhiều kết quả lớn nên việc chuyển trung tâm chính trị của Đàng Trong về phía nam là công việc hoàn toàn hợp lý.

b) Phước Yên (1626-1636), Bác Vọng (1712-1738) - những thủ phủ bên bờ sông Bồ

Trước khi tìm ra Huế, thủ phủ của các chúa Nguyễn đã có những thời kỳ dừng chân ở bên lưu vực sông Bồ, đó là các thời kỳ đóng tại Phước Yên (1626-1636) và Bác Vọng (1712-1738). Theo chúng tôi đây cũng là những thời kỳ "quá độ" khá quan trọng để rút kinh nghiệm cho việc xây dựng đô thị Huế.

- Phủ Phước Yên (1626-1636)

Đây là thủ phủ thứ 4 của các chúa Nguyễn tại Đàng Trong, và nó đã được dịch chuyển khỏi lưu vực sông Thạch Hãn - Ái Tử để chuyển đến hệ sông Bồ. Tuy chỉ tồn tại trong 10 năm (1626-1636) nhưng các dấu tích của một thời thủ phủ tại Phước Yên vẫn còn rất đậm nét.

Nghiên cứu địa thế vùng Phước Yên chúng ta thấy rằng, việc chúa Nguyễn Phúc Nguyên dời thủ phủ từ Dinh Cát vào đây là hoàn toàn hợp lý. Phước Yên có địa bàn khá rộng và bằng phẳng, xung quanh có sông Bồ bao bọc. Thế đất kiểu "tứ thủy triều quy" này vừa đẹp về địa lý, vừa tiện về giao thông, lại thuận lợi về phòng ngự. Phước Yên lại nằm trên tuyến đường chính từ Bắc vào Nam. Từ đây có thể xuôi xuống thành Hóa Châu, đến phá Tam Giang, ra biển rất dễ dàng.

Việc chuyển vị trí thủ phủ từ hệ thống sông Thạch Hãn vào hệ thống sông Bồ để thông suốt xuống thành Hóa Châu, phủ lỵ của phủ Triệu Phong cũ, chứng tỏ lực

lượng quân sự của chúa Nguyễn đã lớn mạnh lên rất nhiều. Đến đây, chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã hoàn toàn đủ tự tin để cùng chúa Trịnh “rạch đôi sơn hà”.

Vì vậy, dù Phước Yên chỉ là bước dừng chân tạm thời để chúa Nguyễn còn tiến xa hơn nữa nhưng nó vẫn có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình Nam tiến và phát triển của Đàng Trong. Trên một ý nghĩa khác, việc “nâng cấp” thủ phủ của mình từ “Dinh” trở thành “Phủ” không phải chỉ là về hình thức để đối sánh hơn khiêu khích chúa Trịnh ở Đàng Ngoài mà trên thực tế, chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã thực sự thể hiện ý đồ xây dựng Phước Yên theo hướng một đô thị. Đây là một bước chuyển biến lớn lao trong quá trình phát triển của các thủ phủ, được bắt đầu tính từ Ái Tử Như vậy, Phước Yên đã được chuẩn bị các tiền đề để sau đó, khi chuyển đến vùng đất Huế, thủ phủ của chúa Nguyễn sẽ trở thành “một đô thị lớn” – theo cách nói của giáo sĩ Alexandre de Rhodes.

- Phủ Bắc Vọng (1712-1738)

Bắc Vọng (1712-1738) lại là một thời kỳ quá độ khá đặc biệt trong quá trình xây dựng thủ phủ của các chúa Nguyễn. Dù đã tìm được vị trí được xem là rất đắc địa như đất Phú Xuân, nhưng thủ phủ của chúa Nguyễn cũng chỉ “dừng chân” được hơn một phần tư thế kỷ (1687-1712). Năm 1712, Minh Vương Nguyễn Phúc Chu đã chọn lựa bãi phù sa bên bờ bắc sông Bồ, thuộc địa phận xã Bắc Vọng huyện Quảng Điền để xây phủ chính. Quyết định trên đã khiến cho nhiều người rất ngạc nhiên và không thể lý giải được nguyên nhân. Tuy nhiên, theo chúng tôi, nguyên nhân của sự dời chuyển này là có thể hiểu được. Nó nảy sinh từ chính những điều bất lợi đối với chúa Nguyễn trong thời gian hơn 25 năm (1687-1712) đóng ở đất Phú Xuân và sức hấp dẫn của vùng đất mới ở lưu vực sông Bồ cũng là một nguyên nhân quan trọng.

Bỏ đất Phú Xuân để ra đóng phủ chính ở Bắc Vọng, chúa Nguyễn Phúc Chu ắt hẳn còn bị hấp dẫn bởi các yếu tố “địa lợi” của mảnh đất ven sông Bồ này.

Từ kết quả khảo sát và nghiên cứu về thủ phủ Bắc Vọng chúng tôi đã xác định được vị trí và quy mô của thủ phủ này. Những đặc điểm của Bắc Vọng cho thấy thủ phủ này chỉ đơn giản là một trung tâm đầu não về chính trị hành chính. Bắc Vọng thuần túy chỉ mang tính chất của một khu vực “đô” chứ không có phần “thị”. Quy mô và cách bố trí của thủ phủ chúa Nguyễn thời kỳ này gần tương tự như thời kỳ Phước Yên (1626-1636). Nó thiếu hẳn sự kết hợp với phần “thị” kiểu như thời kỳ phủ chúa đóng ở Kim Long, Phú Xuân.

Trong suốt thời kỳ phủ chúa đóng ở Bắc Vọng, các thủ phủ cũ ở Kim Long, Phú Xuân, dĩ nhiên không còn là đầu não về chính trị, hành chính của Đàng Trong, nhưng đây vẫn là nơi chúa Nguyễn thường xuyên lui tới. Khu vực Phú Xuân-Thanh Hà vẫn là một nơi đô hội lớn với các hoạt động kinh tế rất nhộn nhịp. Chính vì thế dù mất đi vai trò đầu não về chính trị, Phú Xuân vẫn không bị đứt gãy về mạch phát triển đô thị.

Như vậy, thủ phủ Bắc Vọng thực chất chỉ là nơi đóng phủ chính của chúa Nguyễn Phúc Chu và Nguyễn Phúc Chú. Chức năng chủ yếu của thủ phủ này là chức năng chính trị: nơi ở và làm việc chính của chúa cùng triều đình của ông. Bắc Vọng hoàn toàn không phải là một đô thị và chúa Nguyễn cũng không hề có ý định xây dựng nơi đây trở thành một đô thị. Bởi vậy, Bắc Vọng chỉ là một bước dừng chân rất tạm thời. Quá trình đô thị hoá thủ phủ của chúa Nguyễn chỉ tiếp tục khi họ quay trở lại Phú Xuân lần thứ hai.

*

* * *

Như vậy, trước khi gắn liền với hệ sông Hương để tạo nên đô thị Huế, thủ phủ của các chúa Nguyễn đã trải qua 5 lần dời dựng, thay đổi vị trí. Đó là Ái Tử (1558-1670), Trà Bát (1570-1600), Dinh Cát (1600-1626), Phước Yên (1626-1636) và Bắc Vọng (1712-1738). Nói chung trừ trường hợp đặc biệt là thời kỳ Bắc Vọng, quá trình trên có hai đặc điểm nổi bật: Thứ nhất là sau mỗi lần thay đổi và tái xây dựng, quy mô của các thủ phủ lại càng lớn lên nhằm đáp ứng vai trò trung tâm của vùng Thuận Hóa, rồi Đàng Trong ngày càng mở rộng; thứ hai là vị trí của các thủ phủ dịch chuyển dần về phía nam và ngày càng tiến sát đến vị trí của Huế.

5. Kim Long (1636-1687), Phú Xuân (1687-1712 và 1738-1775) – những thủ phủ bên bờ sông Hương

- Thủ phủ Kim Long (1636-1687)

Sau khi kế vị chúa Nguyễn Phúc Nguyên chưa đầy 2 tháng, tháng 12 năm Ất Hợi (tháng 1-1636), chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan đã cho dời thủ phủ từ Phước Yên về Kim Long và xây dựng nó trở thành một “đô thị lớn”. Quá trình đô thị hóa thủ phủ của các chúa Nguyễn đã đẩy lên một bước phát triển mới.

Việc chọn Kim Long để xây dựng thủ phủ mới càng thể hiện rõ hai đặc điểm trên. Làng Kim Long bên bờ sông Hương có địa thế tuyệt đẹp cả về cảnh sắc lẫn phong thủy. Quyết định chọn đất Kim Long để xây dựng thủ phủ của chúa Nguyễn Phúc Lan là hoàn toàn dựa trên các căn cứ thực tế về thế mạnh của vùng đất này. Nếu so với các địa điểm đã từng đóng thủ phủ trước đó như Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát hay Phước Yên thì Kim Long rõ ràng có nhiều ưu điểm hơn. Ngoài ra, Kim Long còn đáp ứng được nhu cầu “dịch chuyển về phía nam” và xu hướng “Nam tiến” của Đàng Trong, nâng cao khả năng bảo vệ an toàn đầu não của Đàng Trong khi cuộc chiến tranh với chúa Trịnh ở Đàng Ngoài đã trở nên vô cùng khốc liệt”.

Thực ra, về thời gian xây dựng thủ phủ Kim Long được xây từ năm 1635, sau khi chúa Nguyễn Phúc Lan lên ngôi nhưng đến đầu năm 1636 thì mới hoàn thành và chính thức trở thành thủ phủ của Đàng Trong. Với tư cách là thủ phủ, Kim Long đã tồn tại suốt 51 năm, qua hai đời chúa là Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) và Nguyễn Phúc Tần (1648-1687).

Theo mô tả của các chứng nhân người nước ngoài, Kim Long – lúc đó thường được gọi là Kẻ Huế đã là một đô thị lớn, được quy hoạch khá chỉnh chu với dân số đông đúc.

Thời Kim Long là thủ phủ của Đàng Trong, mô hình đô thị cổ đã hoàn chỉnh với hai trung tâm lớn là Kim Long và Thanh Hà.

Kim Long là thủ phủ của chúa Nguyễn, là đầu não về chính trị, quân sự và hành chính của Đàng Trong. Giáo sĩ A.de Rhodes luôn gọi đây là “thành phố lớn”. Còn về cảng Thanh Hà, được hình thành gần như đồng thời với phủ Kim Long, cách Kim Long 7 km về phía hạ lưu sông Hương, thì bấy giờ đóng vai trò là một trung tâm giao dịch thương mại có tầm cỡ quốc tế, nhằm đáp ứng các nhu cầu về ngoại giao, kinh tế cho phủ chúa cũng như trên toàn khu vực Huế.

Hệ thống các làng nghề thủ công ở vùng Huế đã xuất hiện khá nhiều. Chúng nằm chung quanh khu vực phủ chúa hoặc đan xen trong các làng xã chuyên sản xuất nông nghiệp. Sự phát triển của hệ thống làng mạc-dân cư (bao gồm cả làng thủ công và làng nông nghiệp) chung quanh hai trung tâm Kim Long và Thanh Hà đã tạo nên vẻ trù phú, đông đúc đặc biệt của vùng Huế lúc bấy giờ.

Qua những nét phác họa trên đây về thủ phủ Kim Long và của toàn khu vực Huế trước năm 1687, chúng tôi cho rằng với hơn 50 năm tồn tại, Kim Long đã thực sự làm biến đổi diện mạo của Huế, đưa quá trình đô thị hóa ở khu vực này lên một bước phát triển mới kể từ sau thời kỳ Hóa Châu. Có thể nói Kim Long đã kế thừa và phát huy được các kinh nghiệm về xây dựng đô thị từ cả hai luồng, một là từ các thủ phủ trước đó từ phía ngoài chuyển vào, và hai là từ dưới Hóa Châu chuyển lên. Điều đó khẳng định rằng Kim Long chính là tiền thân trực tiếp của Phú Xuân-Huế và chuẩn bị các cơ sở đầu tiên cho việc xây dựng đô thị này.

- Thủ phủ Phú Xuân lần thứ nhất (1687-1712)

Sau hơn 50 năm tồn tại ở Kim Long và dù nơi đây đã được kiến thiết thành một “đô thị lớn”, thủ phủ các chúa Nguyễn lại tiếp tục quá trình di chuyển, dời dựng để mong tìm được một vị trí “đắc địa hơn”. Và vị trí đó đã được lựa chọn! Đó là làng Phú Xuân ở ngay dưới hạ lưu, cách Kim Long không đầy 3 km. Năm 1687, chúa Nguyễn Phúc Thái cho chuyển thủ phủ về đây, và từ trước đến nay đa số các nhà nghiên cứu vẫn cho rằng, mốc thời gian trên là thời điểm khai sinh của đô thị Huế.

Xét về các điều kiện thực tế để xây dựng trung tâm của một đô thị lớn, đất làng Phú Xuân tỏ ra có ưu thế hơn hẳn vùng Kim Long.

Trên đất Phú Xuân đã từng có phủ chính của chúa Nguyễn Phúc Thái, Nguyễn Phúc Chu, đô thành thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, Nguyễn Phúc Thuần (sau nhà Tây Sơn kế thừa) và Kinh thành xây dựng thời Nguyễn. Ngoài những gì hiện thấy do triều Nguyễn để lại, những dấu vết vật chất thời kỳ phủ Phú

Xuân (1687-1712) hay thời kỳ đô thành (1734-1775) đều gần như không còn gì. Bởi vậy việc xác định vị trí của thủ phủ Phú Xuân hay đô thành là rất khó khăn. Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả khảo sát thực tế có đối chiếu với các tư liệu đến nay chúng tôi đã xác định vị trí của thủ phủ Phú Xuân.

Ngoài phủ chính Phú Xuân trên vương đảo, chúng ta cần nhớ rằng lúc bấy giờ ở khu vực Kim Long còn có phủ thờ chúa Nguyễn Phúc Tần với những nhà cửa, phủ đệ của các bà phi, các thân vương quan lại. Ở bên bờ đối diện của sông Hương, bên cạnh bờ sông An Cựu thì đã có phủ An Cựu (trên Bình Nam Đồ của Bùi Thế Đạt vẽ năm 1774 là *Phủ Cam?*) dựng vào khoảng năm 1686-1687, phủ Dương Xuân (tức phủ Ấn) được tu bổ vào năm 1700, còn ở dưới vùng hạ lưu, cách phủ chính non 4km là phố cảng Thanh Hà đang trong thời kỳ phát triển phồn vinh nhất... Điều đáng nói thêm ở đây là ngay ở Vương đảo, ở phía đông của thủ phủ Phú Xuân, cạnh bờ sông đã xuất hiện chợ Dinh (*Dinh thị* trên bản đồ của Bùi Thế Đạt) với tư cách là một chợ lớn của toàn vùng, hàng hóa quốc tế và từ các địa phương trong nước sau khi đến cảng Thanh Hà sẽ được chuyển lên đây để phục vụ cho các nhu cầu của vương phủ. Vị trí của chợ Dinh lúc này có lẽ ở khoảng đầu đường Chi Lăng hiện nay.

Diện mạo của thủ phủ Phú Xuân (1687-1712) cho thấy rằng, ngay trong thời kỳ mới được khai sinh, đô thị Phú Xuân-Huế đã có những bước phát triển rất cơ bản. Đó là sự mở rộng quy mô đô thị, là sự thất chặt và phát triển yếu tố "thị" đi đôi với sự củng cố phần "đô". Phú Xuân vẫn thể hiện sự kế thừa và phát triển của thời kỳ Kim Long để bảo đảm được vai trò là trung tâm hàng đầu về chính trị, quân sự, hành chính, kinh tế của Đàng Trong trong tình hình mới. Chính nhờ sự khẳng định được vai trò của mình mà Phú Xuân đã trở thành vùng đất không thể thay thế. Vậy nên, dù sau này chúa Nguyễn có chuyển phủ chính ra Bắc Vọng một thời gian thì đó cũng chỉ là một sự thay đổi rất tạm thời.

- Đô thành Phú Xuân (1738-1775)

"Mùa hạ, tháng 4, ngày nhâm dần"(tức ngày 7/6/1738), sau 13 năm cầm quyền, chúa Nguyễn Phúc Trú mất, thọ 43 tuổi. Chỉ 7 ngày sau khi cha qua đời, Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, vị chúa kế nhiệm đã quyết định đưa thủ phủ trở lại Phú Xuân.

Một trong những tư liệu quan trọng nhất thường được dẫn ra khi mô tả về Đô thành Phú Xuân là sách *Phủ Biên tạp lục* của Lê Quý Đôn. Với tư cách làm một chứng nhân lịch sử, Lê Quý Đôn đã ghi lại hầu như tất cả những gì mà ông từng nghe, nhìn hoặc hiểu biết về đất Thuận Hóa khi ông đặt chân đến đây năm 1776. Dưới ngòi bút của Lê Quý Đôn, Đô thành Phú Xuân hiện lên thật hoành tráng, lộng lẫy. Ngoài ra, Đô thành Phú Xuân thời kỳ này còn được nhiều nhân chứng người nước ngoài mô tả khá chi tiết.

Nếu xét theo nghĩa rộng, Đô Thành Phú Xuân có qui mô rất lớn và đã được qui hoạch khá ngăn nắp theo trục chính là dòng sông Hương. Ở phía tây nam

Đô Thành, trên thượng nguồn sông Hương là lăng mộ của các vị chúa tiền triều (xem Giáp Ngọ Niên Bình Nam Đồ của Bùi Thế Đạt đã có *Doan Công Mộ* – tức lăng mộ chúa Nguyễn Hoàng, *Thụy Quận Mộ* – tức lăng mộ chúa Nguyễn Phúc Nguyên, *Nhân Quận Mộ* – tức lăng mộ chúa Nguyễn Phúc Lan). Còn ở phía dưới, đúng như Lê Quý Đôn đã mô tả về phía từ bắc sông Hương: trên thì có phủ thờ ở Kim Long, ở giữa có cung phủ hành lang, dưới thì có nhà cửa ở Phủ Ao. Về phía bờ nam có phủ Dương Xuân và phủ Cam, trên chút nữa có phủ Tập Tượng. Nhà cửa, doanh trại của binh lính, Phủ đệ của các bậc thân vương, quan lại thì bố trí kiểu ô bàn cờ dọc hai bờ sông Hương và sông An Cựu. Ở phía hạ lưu thì có phố chợ liền kề, buôn bán tập nập nối liền với thương cảng Thanh Hà vẫn đang ở trong thời kỳ phồn thịnh (trên Bình Nam Đồ của Bùi Thế Đạt, Thanh Hà được ghi rõ bằng tên gọi *Dại Minh Phố*).

Như vậy, qui hoạch đô thị của Đô Thành Phú Xuân đã khá hoàn chỉnh và về cơ bản, nó đã tương tự như qui hoạch kinh đô Huế đầu thế kỷ XIX. Dĩ nhiên, mức độ tập trung và qui mô đô thị của hai thời kỳ này chắc chắn là đang còn chênh lệch nhau rất nhiều.

III. NHỮNG ĐẶC TRƯNG NỔI BẬT CỦA ĐÔ THỊ HUẾ TỪ KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP ĐẾN CUỐI THỜI CHÚA NGUYỄN

1. Thủ phủ: sự kế thừa lối qui hoạch đô thị truyền thống – đô thị giữa hai dòng sông và chọn trục Tây bắc-Đông nam

Từ kinh nghiệm khảo sát các đô thị cổ Việt Nam, giáo sư Trần Quốc Vượng đã cho rằng, một trong những đặc điểm nổi bật nhất của lối quy hoạch đô thị truyền thống Việt là đô thị nước hay đô thị giữa hai dòng sông (ville fleuve). Nghĩa là đô thị cổ của người Việt luôn luôn được đặt giữa hai dòng sông: sông trước-sông sau, hay nói cách khác, yếu tố mặt nước luôn bao quanh đô thị của người Việt⁽³⁾.

Đến khi vào Đàng Trong lập nghiệp, các chúa Nguyễn vẫn mang truyền thống ấy để áp dụng vào việc kiến tạo các thủ phủ. Chúng ta đã thấy, từ Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát đến Phước Yên rồi Kim Long, lối quy hoạch đô thị giữa hai dòng sông vẫn không hề thay đổi. Cũng phù hợp với những tổng kết của giáo sư Trần Quốc Vượng, ở các đô thị-thủ phủ của Đàng Trong, lối quy hoạch này bao giờ cũng dựa vào một dòng sông lớn-chủ của hệ sông đó chảy qua phía trước mặt và các dòng sông nhỏ, thường là phụ lưu, chi lưu của dòng sông lớn ấy chảy bao phía sau. Nhìn một cách toàn diện, sự thay đổi vị trí các thủ phủ thực chất chỉ là sự dịch chuyển từ hệ sông này sang hệ sông khác của đất Thuận Hóa, cụ thể là 3 hệ thống sông: Hệ sông Thạch Hãn - Ái Tử (ở Quảng Trị), hệ sông Bồ và các phụ lưu của nó và hệ sông Hương-Kim Long-Bạch Yến.

Mặt khác, trong điều kiện địa lý cụ thể của Đàng Trong, dòng sông có ý nghĩa đặc biệt quan trọng với cuộc sống của cư dân. Xứ sở đã từng được Alexandre de Rhodes mô tả: "... rất giàu vì có đất đai phì nhiêu với hai mươi bốn

con sông cung cấp nước, cũng nhờ đó mà rất tiện việc đi lại bằng đường sông ngòi, tiện việc thông thương và hành trình"⁽⁴⁾. Còn Thích Đại Sán thì ghi nhận:

"Các đô ấp đều tựa núi day mặt ra biển, núi cao sông hiểm, cây rừng rậm rạp, nhiều té tượng hùm beo, các phủ không có đường lối thông nhau, mỗi phủ đều do một cửa biển đi vào; muốn đi từ phủ này sang phủ khác tất do đường biển, thuyền đi biển khó đi gần bờ vì sóng lớn; gặp gió xuôi đi chừng một ngày, nếu ngược gió không chừng 10 ngày, nửa tháng mới có thể đi thông từ cửa này qua cửa khác"⁽⁵⁾.

Cũng từ đó mà đối với cư dân Đàng Trong, vai trò của chiếc thuyền trở nên đặc biệt quan trọng.

Như vậy, việc áp dụng mô thức đô thị truyền thống – đô thị giữa hai dòng sông – đối với việc xây dựng các thủ phủ tại Đàng Trong đều dựa trên điều kiện cụ thể của xứ sở này. Có thể nói, trong việc xây dựng thủ phủ Kim Long truyền thống trên đã được vận dụng rất thành công.

Nhưng chỉ đến khi chọn vùng đất bên bờ sông Hương để xây dựng trung tâm chính trị đầu não của Đàng Trong thì mô hình: *Thánh địa (núi đôi) - trung tâm chính trị (Đồng bằng) - cảng (biển)* mới định hình rõ. Trung tâm chính trị này (Kim Long và sau là Phú Xuân) kết hợp với thánh địa – chùa Thiên Mụ trên đồi Hà Khê (xa hơn nữa có núi chủ Kim Phụng) và cảng thị Thanh Hà (cùng cửa Thuận An phía biển) để tạo nên một kết cấu hoàn chỉnh.

Một đặc điểm đáng chú ý khác của Huế là trục và hướng của đô thị này. Theo sự xác định của chúng tôi, từ phủ Kim Long đến phủ Phú Xuân rồi Đô thành Phú Xuân đều xây mặt về hướng Nam, hơi chếch Đông Nam. Nghĩa là trục quy hoạch đô thị là trục Càn (Tây Bắc) - Tốn (Đông Nam), tương tự như trục chính của Kinh thành Huế thời Nguyễn.

Thực ra thì hầu như tất cả thủ phủ của chúa Nguyễn tại Đàng Trong đều xây mặt về hướng Nam hoặc gần như Nam (Đông Nam, Tây Nam). Đây là hướng truyền thống của đô thị người Việt tại miền Trung và miền Nam, nó vừa biểu hiện xu thế Nam tiến của người Việt vừa biểu hiện một quan niệm đã từng được dân gian tổng kết "lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng Nam". Điều này cũng làm nên sự khác biệt giữa phong cách quy hoạch đô thị giữa hai miền thời tiền cận đại: miền Bắc luôn phải lo Bắc cự (đối phó với giặc từ phương Bắc) nên đô thị luôn nằm ở phía Nam dòng sông chính trong hệ sông mà nó gắn bó, xây mặt về phía Bắc (Thăng Long là đô thị tiêu biểu cho cách quy hoạch này); miền Nam thì tư tưởng Nam tiến là chủ đạo nên đô thị luôn nằm ở bờ Bắc sông chính, xây mặt về hướng Nam.

Nhưng có thể nói rằng, chỉ khi đến Huế, thủ phủ của chúa Nguyễn mới khẳng định được rằng, trục Tây Bắc - Đông Nam là phù hợp nhất đối với các đô thị của xứ sở này. Kinh nghiệm này được rút ra từ thực tế vùng đất miền Trung, các mạch núi chính của dãy Trường Sơn tại khu vực này đều chạy theo

hướng Tây Bắc - Đông Nam, còn các dòng sông đều chảy từ Tây sang Đông. Vì vậy, nếu đô thị được quy hoạch theo trục Tây Bắc - Đông Nam thì vừa thuận thế núi vừa nương theo được thế nước, tránh được hiện tượng bị dòng nước chảy đâm ngang vào thân. Chúng ta thấy, sau Kim Long, các thủ phủ Phú Xuân, Đô thành Phú Xuân và cả Kinh thành Phú Xuân thời vua Nguyễn đều kế thừa nguyên vẹn cách quy hoạch đô thị theo trục trên.

Như vậy, chúng ta có thể nói rằng, các thủ phủ gắn liền với sông Hương không chỉ kế thừa những đặc điểm của phong cách quy hoạch đô thị truyền thống mà còn sáng tạo và góp phần định hình những đặc điểm mới của đô thị Huế nhằm thích ứng với điều kiện hoàn cảnh môi trường của vùng đất này.

2. Đô thị Huế thời chúa Nguyễn với phong cách quy hoạch đô thị nhà vườn

Giáo sư Trần Quốc Vượng có một nhận xét thật thú vị: “Đô thị Việt đều là đô thị sông nước nhưng nếu Sài Gòn là một cảng thị, Hà Nội là một thành phố nội địa với tính hướng nội (introverti) rất cao thì Huế lại là một thành phố nhà vườn, thành phố thơ...”⁽⁶⁾. Có thể nói tính chất thành phố vườn đã góp phần rất lớn làm nên chất thơ của Huế. Và phong cách nhà vườn lại có từ rất sớm, theo chúng tôi, ít ra là từ thời trung tâm Huế còn ở Kim Long, sau đó được hoàn thiện dần khi thủ phủ chuyển về Phú Xuân.

Mặc dù vẫn mang đậm tính chất quân sự nhưng thủ phủ Kim Long đã có bản sắc một đô thị - nhà vườn. Dinh thự của chúa, phủ đệ của thân vương, quan lại đều là những ngôi nhà Rường với bộ khung gỗ chắc chắn, những cột, kèo được chạm trổ tinh vi mà trong hồi ký Hành trình và truyền giáo giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã không dấu nổi sự thán phục. Những ngôi nhà ấy đều có khuôn viên rộng, bên trong trồng đủ loại cây trái theo lối “bách thảo đồng viên” mà nhà vườn xứ Huế sau này vẫn kế thừa. Ngay cả khu vực dành cho quân đội thì nhà ở của mỗi người lính đều có một không gian riêng với chiếc sân, mảnh vườn nhỏ...

Đến khi thủ phủ chuyển về Phú Xuân thì lối quy hoạch phố thị-nhà vườn đã trở nên thành thục. Trong mô tả của Lê Quý Đôn chúng ta thấy rõ, từ phủ chính của chúa đến hệ thống phủ đệ nhà cửa của tầng lớp thân vương, quan lại bố trí xung quanh và dọc theo các trục sông Hương, sông An Cựu, sông Kim Long... đều theo phong cách nhà vườn.

Theo một số nhà nghiên cứu kiến trúc cổ, nhà Rường là một sản phẩm đích thị của Huế, do cư dân ở đây sáng tạo ra trên cơ sở kiến trúc nhà ở truyền thống của người Việt. Kết cấu nhà Rường rất phù hợp với đặc điểm khí hậu môi trường của miền Trung Việt Nam. Sau này trong kiến trúc cung đình thời vua Nguyễn, những ngôi điện đồ sộ theo thức nhà kép “trùng thiềm điệp ốc” thực chất cũng là những ngôi nhà Rường lớn ghép lại với nhau⁽⁷⁾. Kiến trúc nhà Rường thường bao giờ cũng được đặt trong một không gian thoáng rộng, gắn bó mật thiết với môi trường tự nhiên. Bởi vậy nhà Rường

thường gắn liền với vườn tạo nên một loại hình kiến trúc độc đáo, mang đậm bản sắc địa phương - kiến trúc nhà vườn.

3. Mô hình kết hợp đô + thị với sự phát triển của các hoạt động thương mại

Đô thị cổ trung đại Việt Nam hầu hết có đủ các thành tố: thành-thị-phố-đô. Trong đó có thể hiểu, thành là diện mạo vật chất trong hoạt động quân sự; phố là điểm tụ cư; thị theo nghĩa chung là các hoạt động kinh tế, nghĩa hẹp là các chợ, các trung tâm buôn bán trao đổi; đô theo nghĩa rộng là trung tâm tụ hội về mọi mặt nhưng nghĩa hẹp lại là nơi đóng trụ sở của các cơ quan hành chính của chính quyền trung ương. Dù có nội dung riêng nhưng các thành tố trên có sự gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó tổ hợp đô-thành, phố -thị có nhiều điểm tương đồng⁽⁸⁾.

Đặc điểm nổi bật của đa số đô thị Việt Nam là phần đô bao giờ cũng nổi trội hơn phần thị, chi phối đến sự hưng thịnh, tồn vong của phần thị, dù hiểu trên cả nghĩa rộng: thị là toàn bộ các hoạt động kinh tế trong quan hệ đối sánh với phần đô. Lược qua quá trình phát triển của hệ thống thủ phủ chúng ta đã thấy rõ đặc điểm trên, phần thị bao giờ cũng biến động thay đổi theo sự biến đổi của phần đô của nó. Và thời kỳ các thủ phủ đóng bên bờ sông Hương cũng không phải là ngoại lệ.

Sự ra đời của Kim Long, và sau là Phú Xuân với tư cách như một trung tâm đầu não của Đàng Trong đã làm cho các hoạt động kinh tế ở khu vực Huế phát triển mạnh mẽ: các quan xưởng nhà nước cùng các làng nghề thủ công dân gian ra đời hàng loạt, mạng lưới chợ mở rộng về cả quy mô và số lượng hàng hóa, nhưng đáng chú ý nhất vẫn là sự ra đời của phố cảng Thanh Hà - đại diện tiêu biểu của phần thị trong kết cấu của một đô-thị Huế đang trong giai đoạn hình thành.

Thanh Hà là một phố-cảng được hình thành "Do nhu cầu chính trị, quân sự của nhà nước phong kiến họ Nguyễn để đối đầu với họ Trịnh ở Đàng Ngoài; do yêu cầu tiêu dùng của nhân dân, nhất là việc phát triển kinh tế hàng hóa địa phương trong thế kỷ XVII đã vượt ra ngoài phạm vi đất nước, một luồng thương nghiệp siêu quốc gia ở Đông Nam Á được hình thành mà chủ yếu là những nước có thị trường nằm bên cạnh các cửa biển, các con sông. Trong hoàn cảnh đó đòi hỏi phải có một cảng khẩu tiêu biểu nhất ở đất Thuận Hóa nằm bên cung phủ Kim Long được ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu kinh tế ở trong và ngoài nước, nhất là ý muốn của nhà nước cai trị đóng trấn ở đây"⁽⁹⁾. Trên thực tế, Thanh Hà chưa phải là một đô thị-thương cảng như Hội An nhưng nó là một phố cảng và từng nổi danh là một trung tâm buôn bán trao đổi sầm uất nhất tại khu vực Huế trong suốt mấy thế kỷ.

4. Đô thị Huế thời chúa Nguyễn với cách quy hoạch đô thị - phong thủy

Suốt từ thời Kim Long đến thời kỳ Phú Xuân, khi gắn liền với hệ sông Hương, thủ phủ các chúa Nguyễn đã được quy hoạch tuân theo các nguyên tắc phong

thủy địa lý. Ở thời kỳ Kim Long (1636-1887), cũng là trục Càn-Tốn trong thế đất “thủy đáo diện tiền”, “tứ thủy triều quy” nhưng tiền án, hậu chẩm của đô thị này chưa được quy chuẩn lắm. Có lẽ đây cũng là một trong những lý do khiến chúa Nguyễn Phúc Thái có sự điều chỉnh thủ phủ về Phú Xuân. Hơn nữa, từ khi thủ phủ trở thành Đô thành tại Phú Xuân, cách quy hoạch mới thể hiện đậm nét màu sắc phong thủy.

Theo quan điểm địa lý phương Đông, đất Phú Xuân chính là nơi hội tụ được các điều kiện lý tưởng để thực hiện việc định đô cho họ Nguyễn sau bao năm kiếm tìm. Khi phân tích về cuộc đất này, Lê Quý Đôn đã hết lời ca ngợi: “Đất rộng bằng như lòng bàn tay, rộng độ hơn mười dặm, ở trong đất cao, bốn bề đều thấp, tức là chỗ nổi bật giữa đất bằng ngòi vị Càn (Tây-Bắc), trông hướng Tốn (Đông-Nam), dựa ngang sống đất, trông xuống bến sông; đằng trước là quần sơn, châu về la liệt, toàn thu nước ở bên hữu, vật lực thịnh giàu”. Nhìn trên toàn cục thì “Dinh Phú Xuân có năm lần hổ thủy [nước về phía hữu] ôm đằng trước... có ba lần long sa [cát ở bên tả] ngăn bên tả”⁽¹⁰⁾. Cuộc đất ấy lại có Hòn Mồ (tức núi Ngự Bình) cân phân, vững chãi làm án trước mặt; có hai hòn đảo nổi lên trên sông Hương là Cồn Hến và cồn Dã Viên tạo ra thế tả long, hữu hổ châu về hai bên; nước sông Hương luôn ăm ắp trước mặt- kiểu “thủy đáo diện tiền”; bốn phía xung quanh đều có sông bao bọc, thực đúng “tứ thủy triều quy”, “cán thủy hoàn thành” (bốn bề có nước, nước bọc quanh thành).

Trên cuộc đất ấy, việc quy hoạch Huế được tuân theo thuyết Ngũ Hành một cách chỉnh chu. Đô thành nằm ở vị trí trung tâm trên Vương đảo, tại bờ bắc sông Hương. Phía Nam-tượng hoả-cũng là Minh đường để thoáng rộng nên hầu như không có công trình kiến trúc gì đáng kể; phía Bắc-tượng thủy-cũng là Hậu chẩm cố tình để vùng làng mạc bằng phẳng để hậu vận yên ổn, con cháu phát đạt; phía Đông-tượng mộc-lợi về kim nên bố trí chợ búa (có cảng Thanh Hà, chợ Dinh...); phía Tây-tượng kim, nhưng bị dòng nước chảy xói vào nên là vùng xây chùa miếu để trấn yểm cho yên ổn... Ý tưởng quy hoạch này vẫn được giữ nguyên vẹn trong suốt các triều vua Nguyễn về sau dù Kinh thành Huế mở rộng quy mô hơn nhiều.

III. BÀN THÊM VỀ MỐC THÀNH LẬP ĐÔ THỊ HUẾ

Đa số các nhà nghiên cứu về văn hoá, lịch sử của Huế vẫn thường lấy mốc ra đời của đô thị Huế là năm 1687 – thời điểm chúa Nguyễn Phúc Thái dời thủ phủ về đất Phú Xuân. Nhưng theo chúng tôi, thời điểm ra đời của đô thị Huế phải lấy từ mốc 1636, tức từ khi thủ phủ chuyển về đất Kim Long. Chúng tôi lấy mốc này vì những lí do sau đây:

1- Từ khi chuyển về Kim Long, đô thị Huế đã được hình thành gắn liền với hệ sông Hương. Đến năm 1687, khi chúa Nguyễn Phúc Thái chuyển thủ phủ về Phú Xuân, sự phát triển của một đô thị gắn liền với hệ sông này vẫn không bị cắt đứt mà nó vẫn thể hiện sự kế thừa phát triển liên tục. Vì vậy, việc chuyển

trung tâm đô thị về Phú Xuân chỉ mang ý nghĩa là sự điều chỉnh cục bộ cho phù hợp hơn.

2- Thủ phủ Kim Long đã mang những đặc trưng nổi bật của đô thị Huế như trên chúng tôi vừa phân tích, từ cách quy hoạch bố trí đến những đặc trưng văn hoá... Thời kỳ Kim Long là giai đoạn đặt những cơ sở đầu tiên để hình thành nên những đặc trưng này, do đó nó có ý nghĩa rất lớn trong toàn bộ tiến trình phát triển của đô thị Huế.

3- Tên gọi của Huế-tức Kẻ Huế đã ra đời gắn liền với thời kỳ Kim Long đóng vai trò là thủ phủ.

Nhìn lại quá trình xây dựng hệ thống thủ phủ của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong trong suốt hơn 200 năm (1558-1775), chúng tôi có một số nhận xét sau:

- Mặc dù có đến 8 lần dời dựng, thay đổi vị trí khác nhau (Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát, Phước Yên, Kim Long, Phú Xuân lần 1, Bắc Vọng và Đô thành Phú Xuân) nhưng tựu trung, thủ phủ của các chúa Nguyễn đều gắn liền với 3 hệ thống sông lớn thuộc địa bàn 2 tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế là hệ thống sông Thạch Hãn - Ái Tử, hệ thống sông Bồ và chi lưu của nó và hệ thống sông Hương với các chi lưu, phụ lưu của nó (sông Bạch Yến, sông Kim Long). Quá trình dịch chuyển vị trí của các thủ phủ luôn gắn liền với công cuộc Nam Tiến của người Việt trong thời kỳ này và bản thân các vị trí đó cũng có xu hướng dịch chuyển về phía nam. Xét về mặt lựa chọn vị trí để xây dựng một đô thị đầu não của Đàng Trong, đó chính là quá trình các thủ phủ của chúa Nguyễn được thể nghiệm để tìm ra Huế.

- Cùng với sự hình thành và phát triển của Đàng Trong với tư cách là một miền đất mới, một quốc gia độc lập, các thủ phủ của chúa Nguyễn cũng có những bước phát triển và thay đổi để luôn đảm bảo được vai trò, vị trí của mình. Những thay đổi đó thể hiện chủ yếu ở 2 mặt dưới đây:

+ Hình thức, qui mô có sự thay đổi theo hướng phát triển mà biểu hiện cụ thể nhất là qua tên gọi: từ **Dinh** (thời kỳ Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát) đến **Phủ** (thời kỳ Phước Yên, Kim Long, Phú Xuân lần 1, Bắc Vọng) đến **Đô Thành** (thời kỳ Phú Xuân lần 2).

+ Tính chất đô thị của các thủ phủ cũng có sự thay đổi theo hướng phát triển. Khi còn gắn liền với hệ thống sông Thạch Hãn- Ái Tử, các dinh Ái Tử, Trà Bát và Dinh Cát (từ năm 1558-1626) vẫn hoàn toàn mang tính chất quân sự. Yếu tố đô thị (thể hiện qua sự kết hợp giữa phần “Đô” và phần “Thị”) chỉ xuất hiện và phát triển bắt đầu từ thời kỳ Phủ Phước Yên (1626-1636) và trở nên khá hoàn chỉnh từ thời kỳ Kim Long (1636-1687), khi thủ phủ gắn liền với hệ sông Hương để hình thành nên *Kẻ Huế*. Qua thời kỳ Đô Thành Phú Xuân (1738-1775), thủ phủ của chúa Nguyễn đã là một đô thị tầm cỡ của Đàng Trong, được qui hoạch chu đáo với các ý đồ rất rõ ràng. Có thể nói, tư tưởng qui hoạch đô thị của thời kỳ Đô Thành Phú Xuân đã có nhiều điểm tương đồng

với thời kỳ sau nó-thời kỳ Huế trở thành Kinh đô của cả nước Việt Nam thống nhất, đầu thế kỷ XIX.

Chính vì đặc điểm này, chúng tôi đã đi đến nhận định, những đặc trưng nổi bật hiện nay của Huế với tư cách là một đô thị như *thành phố có sự quy hoạch theo thuyết phong thủy, thành phố nhà vườn-thành phố thơ...* đã được hình thành từ thời kỳ các chúa Nguyễn xây dựng thủ phủ bên bờ sông Hương cách đây gần 4 thế kỷ. Qua thời gian, những đặc trưng ấy ngày càng phát triển và được bảo tồn vững chắc cùng quá trình phát triển của đô thị Huế. Chính vì điều này, việc nghiên cứu Huế từ thời kỳ chúa Nguyễn sẽ góp phần rất quan trọng trong việc giải mã những “bí ẩn” của đô thị này trong quá khứ và hiện tại.

Còn về mốc thành lập đô thị Huế, chúng tôi vẫn cho rằng, năm 1636-thời điểm thành lập Kim Long-Kẻ Huế, mới xứng đáng lấy làm năm ra đời của đô thị này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Bang, *Phố cảng vùng Thuận - Quảng thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Thuận Hóa - Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1996.
2. Léopold Cadière, *Thủ phủ các chúa Nguyễn ở Đàng Trong trútóc Gia Long*, B.E.F.E.O, 1914-1916, bản dịch của Thúy Vy.
3. Nguyễn Văn Đăng, *Yếu tố thị trong đô thị Huế trútóc năm 1945*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học 310 năm Phú Xuân - Huế. Huế, 1997: 46-55. 166.
4. Lê Quý Đôn Toàn tập, tập I: *Phủ biên tạp lục*, Nxb KHXH, Hà Nội - 1997.
5. Vũ Hữu Minh, *Tám bản đồ Huế của Le Floch de la Cardière năm 1787*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học 310 năm Phú Xuân - Huế. Huế, 1997: 29-37.
Thiên- Huế, số 1/1998: 62-67.
6. Quốc Sử Quán triều Nguyễn - *Đại Nam Thực Lục (tiền biên)*. Bản dịch Viện Sử học, Nxb Sử học - Hà Nội, 1962.
7. A.D.Rhodes, *Hành trình và truyền giáo*, bản dịch của Hồng Nhuệ, Tủ sách Đại Kết, ủy Ban Đoàn kết công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.
8. Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*. Viện Đại học Huế, Ủy ban Phiên dịch sử liệu Việt Nam - 1963.
9. Trần Đức Anh Sơn, *Tư tưởng quy hoạch Kinh thành Huế thời Gia Long (1802-1820)*, trong Báo cáo khoa học kỷ niệm 690 năm Thuận Hóa - Thừa Thiên Huế (1306 - 1996).
10. Tana Li, *Xứ Đàng Trong, lịch sử Kinh tế-Xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*. Bản dịch của Nguyễn Nghị, NXB Trẻ, 1999.